

Số: 3315/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 12/tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính  
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng  
5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên  
quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07  
tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của  
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ  
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ  
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn  
phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số  
61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một  
cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND Thành  
phố về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; Rà soát,  
thống kê, xây dựng quy trình thủ tục hành chính liên thông năm 2022 trên địa bàn  
thành phố Hà Nội;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 808/TTr-SGTVT  
ngày 31/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua Phương án đơn giản hóa 18 thủ tục hành chính thuộc  
thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.**

1. Giao Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan  
triển khai kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đã được phê duyệt theo quy  
định của pháp luật.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra, đôn đốc Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUBTP: CVP, PCVP C.N.Trang, các phòng: ĐT, KSTTHC, THCB;
- Trung tâm báo chí Thủ đô Hà Nội;
- Lưu: VT, KSTTHC. ✓



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hồng Sơn** ✓

**Phụ lục**  
**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM**  
**QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI**  
*(Kèm theo Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2022*  
*của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

**I. Lĩnh vực Đường bộ:** Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 63 TTHC. Đề xuất đơn giản hóa thời gian giải quyết đối với 02/63 TTHC, cụ thể:

**1. Thủ tục Đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng**

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 03 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 2,5 ngày làm việc (giảm 16,67% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 4 Điều 10 Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07/3/2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

**2. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động**

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định (đối với trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe).

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 09 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**II. Lĩnh vực Đường thủy nội địa:** Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 42 TTHC. Đề xuất đơn giản hóa thời gian giải quyết đối với 13/42 TTHC, cụ thể:

**1. Thủ tục Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và ô tô**

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 20 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 19,5 ngày làm việc (giảm 2,5% thời gian).

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi khoản 3 Điều 10 Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.

## **2. Thủ tục Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu**

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 05 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 03 ngày làm việc (giảm 40% thời gian).

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi khoản 2 Điều 17 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

## **3. Thủ tục Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa**

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 05 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 4,5 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi khoản 4 Điều 24 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

## **4. Thủ tục Công bố đóng khu neo đậu**

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 05 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 4,5 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi khoản 4 Điều 27 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

## **5. Thủ tục Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa**

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 05 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 03 ngày làm việc (giảm 40% thời gian).

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi khoản 6 Điều 20 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

## **6. Thủ tục Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa**

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 05 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 4,5 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi khoản 5 Điều 29 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

### **7. Thủ tục Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng**

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc tại Sở Giao thông vận tải, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 9,5 ngày làm việc (giảm 5% thời gian thực hiện tại Sở Giao thông vận tải).

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi khoản 5 Điều 11 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

### **8. Thủ tục Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa**

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 05 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 4,5 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi khoản 3 Điều 40 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

### **9. Thủ tục Cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thủy**

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 03 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 2,5 ngày làm việc (giảm 16,67% thời gian).

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi khoản 2 Điều 8 Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy.

### **10. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa**

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế

giải quyết có thể rút ngắn được thành 09 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

*b) Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi khoản 2 Điều 12 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

### **11. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại khi bị mất, hỏng giấy chứng nhận; 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo. Thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 4,5 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại khi bị mất, hỏng giấy chứng nhận (giảm 10% thời gian); 6,5 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo (giảm 7,1% thời gian).

*b) Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

### **12. Thủ tục Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 03 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 02 ngày làm việc (giảm 33,33% thời gian).

*b) Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 18 Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

### **13. Thủ tục Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

Lý do: Thời gian theo quy định là 05 ngày làm việc (đối với trường hợp cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn), thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 04 ngày làm việc (giảm 20% thời gian); Thời gian theo quy định là 30 ngày làm việc (đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn còn hạn sử dụng bị mất, không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý), thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 29 ngày làm việc (giảm

3,33% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 19 và khoản 4 Điều 16 Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

**III. Lĩnh vực Xây dựng:** Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 02 TTHC. Đề xuất đơn giản hóa thời gian giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 02/02 TTHC, cụ thể:

**1. Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở**

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian giải quyết theo quy định hiện hành không quá 40 ngày đối với công trình cấp I và cấp đặc biệt, không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III, không quá 20 ngày đối với các công trình còn lại. Thực tế khối lượng hồ sơ và thời gian thực tế giải quyết có thể rút ngắn không quá 39 ngày đối với công trình cấp I và cấp đặc biệt (giảm 2,5% thời gian); không quá 29 ngày đối với công trình cấp II và cấp III (giảm 3,33% thời gian); không quá 19 ngày đối với các công trình còn lại (giảm 5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 7 Điều 38 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

**2. Thủ tục Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian giải quyết theo quy định hiện hành không quá 35 ngày đối với dự án nhóm A, không quá 25 ngày đối với dự án nhóm B, không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C. Thực tế khối lượng hồ sơ và thời gian thực tế giải quyết có thể rút ngắn không quá 34,5 ngày đối với dự án nhóm A (giảm 1,43% thời gian); không quá 24,5 ngày đối với dự án nhóm B (giảm 2% thời gian); không quá 14,5 ngày đối với dự án nhóm C (giảm 3,33% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 16 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14)

**IV. Lĩnh vực Đăng kiểm:** Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 05 TTHC (trong đó: Sở giải quyết 01 TTHC, đơn vị giải quyết: 04 TTHC). Đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 01/05 TTHC, cụ thể:

**1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 03 ngày làm việc, thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 02 ngày làm việc (giảm 33,33% thời gian).

*b) Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi khoản 6 Điều 7 Thông tư 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

